

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 638/2025/DS-PT

Ngày 29 - 8 - 2025

V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2025/TLPT-DS ngày 14/7/2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2025/DS-ST ngày 09/4/2025 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Toà án nhân dân khu vực 5 - tỉnh Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 984/2025/QĐ-PT ngày 21/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1975 (Có mặt);

Địa chỉ: Khu Phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là Ấp A, xã Đ, tỉnh Tây Ninh).

2. Bà Dương Minh S, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là ấp C, xã Đ, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện hợp pháp cho bà S: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1975 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 25/7/2024 - Có mặt);

Địa chỉ: Khu Phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là Ấp A, xã Đ, tỉnh Tây Ninh).

- Bị đơn: Anh Phạm Minh N (T), sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện hợp pháp cho anh N: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 01/11/2024 - Có mặt).

Địa chỉ: F, tổ C, khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là 634, Ấp B, xã C, tỉnh Đồng Tháp).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Ngô Thanh S1, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Khu V, phường T, huyện T, thành phố Cần Thơ (nay là khu vực T, phường T, Thành phố Cần Thơ).

Người đại diện hợp pháp cho anh S1: ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967 (Theo Văn bản ủy quyền ngày 01/11/2024 - Có mặt).

Địa chỉ: số F, tổ C, khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là 634, Ấp B, xã C, tỉnh Đồng Tháp).

2. Anh Lê Văn L (Lao), sinh năm 1975 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là ấp E, xã M, tỉnh Tây Ninh).

3. Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp D, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là ấp D, xã M, tỉnh Tây Ninh).

Người kháng cáo: Bị đơn Phạm Minh N (T), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thanh S1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H trình bày: Thông qua anh L mà bà biết bị đơn anh Phạm Minh N và hai bên có thỏa thuận miệng với nhau qua điện thoại ngày 24/3/2024 gặp nhau trao đổi về việc mua bán lúa. Bà và bà S cùng bị đơn thỏa thuận nội dung mua bán là anh N là người mua lúa bà và bà S là người dẫn anh N đến các hộ dân trong hợp tác xã trồng lúa để bán lúa cho anh N. Việc mua bán lúa giữa bà và bị đơn chỉ thỏa thuận miệng không có làm văn bản hay hợp đồng thỏa thuận nào. Hình thức bán lúa tươi tại ruộng bà và bà S mua lúa của các hộ dân bán cho hai bên thông qua hình thức thỏa thuận miệng bà và bà S sẽ trả tiền mặt cho các hộ dân, đem lúa xong cho anh N tại công ty TNHH MTV C1. Bà và bà S trả tiền xe từ việc thu mua lúa của các hộ dân lên công ty. Công ty cho gửi nhờ lúa tại công ty không tính tiền. Vào ngày 29/3/2024, bà và bà S giao cho anh N 01 xe lúa tươi 27 tấn 560kg lúa loại thơm giao trực tiếp cho anh N, chiếc xe chở lúa biển số 62H 03350 tài xế xe là tên C, anh L là người kêu xe dùm nguyên đơn, do bà là người kêu anh L kêu xe dùm. Số tiền của xe lúa là 217.448.000 đồng. Khi giao lúa cho anh N và nguyên đơn chỉ thỏa thuận miệng không làm giấy tờ. Hai bên thỏa thuận bị đơn trả tiền cho nguyên đơn thông qua hình thức chuyển khoản. Bị đơn

anh N phải có trách nhiệm trả tiền mua lúa cho nguyên đơn. Hai bên thỏa thuận là khi nguyên đơn giao lúa cho anh N thì anh N phải trả tiền lúa cho nguyên đơn còn việc anh N bán cho ai thì nguyên đơn không biết. Hình thức giao xe lúa nào trả tiền xe lúa đó. Lý do anh N không chuyển tiền cho nguyên đơn vào ngày 29/3/2024 là anh nói không có tiền nên nguyên đơn không cho xe lúa xuống nữa rồi cũng không có trả tiền lúa cho bà nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Nay các nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền là 217.448.000 đồng và tiền lãi với mức lãi là 1,5%/tháng tính từ ngày 29/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì anh N không đồng ý vì anh N xác định nguyên đơn không có bán cho các nguyên đơn số lúa là 27.560 kg lúa. Bị đơn không có nhận mua các nguyên đơn số lúa nêu trên. Anh N không có giao dịch mua bán lúa gạo và không hề biết bà H, bà S. Việc bị đơn anh N có khai chuyển khoản cho bà H tiền qua số tài khoản 050103463022 tên Huỳnh Thị Ngọc H trong biên bản ghi lời khai ngày 31/3/2024 của Công an huyện Đ lập là do bị đơn có mua bán lúa với anh Nguyễn Thanh P và anh P yêu cầu bị đơn phải chuyển tiền trả tiền lúa cho số tài khoản tên Huỳnh Thị Ngọc H nên bị đơn chuyển theo ý của anh P chứ không biết bà H này. Việc mua bán giữa bị đơn và anh Nguyễn Thanh P không liên quan đến các nguyên đơn. Nếu anh N và anh P có phát sinh tranh chấp thì tôi sẽ yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Thanh S1 trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì anh S1 không đồng ý.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L trình bày: Vào ngày 24/3/2024 ông là người giới thiệu bị đơn anh N cho nguyên đơn bà H, bà S để giao dịch mua lúa, bên H, bà S sẽ cho tiền hoa hồng cho ông khi ông giới thiệu người mua lúa cho nguyên đơn. Khi ông giới thiệu xong thì việc thỏa thuận mua bán lúa như thế nào là chuyện của nguyên đơn và bị đơn. Vào ngày 29/3/2024 thì ông có kêu xe tải chở lúa theo yêu cầu của nguyên đơn xuống công ty TNHH MTV C1. Anh N điện cho ông nói cho xin xuống hết các xe lúa rồi sẽ chuyển tiền nhưng ông không đồng ý. Ông L mới liên hệ với nguyên đơn bà H cho 1 xe lúa xuống đi để bán cho anh N rồi anh N trả tiền cho nhưng khi xe lúa xuống xong giao cho N thì anh N nói với ông không trả tiền xe lúa này. Ông xác định số lượng lúa là 27 tấn 560 kg, thành tiền 217.448.000 đồng, loại lúa thơm. Hai bên mua bán lúa thông qua hình thức chuyển khoản. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì ông đồng ý và không có ý kiến gì. Ông xác định có việc mua bán lúa giữa các nguyên đơn và anh N do chính ông là người giới thiệu cho các nguyên đơn biết bị đơn để mua bán lúa gạo với nhau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P trình bày: Ông xác định vào năm 2023 thì có làm ăn kinh doanh buôn bán với anh Phạm Minh N (T) biết bà Huỳnh Thị Ngọc H và Dương Minh S nhưng không mua bán

làm ăn kinh doanh chung với hai người này. Việc anh N khai là yêu cầu ông chuyển khoản cho tài khoản 050103463022 của bà Huỳnh Thị Ngọc H là không hề có chuyện đó. Hai bên mua bán làm ăn kinh doanh thì chỉ giao dịch tiền bạc giữa ông và anh N chứ ông không hề kêu bị đơn chuyển tiền cho bất cứ ai. Còn việc nguyên đơn mua bán với bị đơn thì ông hoàn toàn không biết. Hiện tại ông không còn làm ăn mua bán với bị đơn.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Huỳnh Thị Ngọc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện hợp pháp của bà Dương Minh S rút yêu cầu khởi kiện nhưng không được bị đơn đồng ý. Người kháng cáo Phạm Minh N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện hợp pháp của người kháng cáo Ngô Thanh S1 rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2025/DS-ST ngày 09/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - tỉnh Đồng Tháp).

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc H và bà Dương Minh S Buộc anh Phạm Minh N (T) phải chịu trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc H và bà Dương Minh S số tiền là: 217.448.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi với mức lãi là 1,5%/tháng tính từ ngày 29/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Bị đơn anh Phạm Minh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Thanh S1 có đơn kháng cáo đề ngày 15/4/2025, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp) xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Người đại diện hợp pháp của anh Ngô Thanh S1 rút yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của anh S1. Về tư cách khởi kiện của bà S, chưa đủ cơ

sở xác định bà S có quyền khởi kiện anh N. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà S rút đơn khởi kiện nhưng không được người đại diện hợp pháp của anh N đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ để làm rõ giao dịch mua bán lúa của các đương sự. Vì phạm trên không thể khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện C (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp) xét xử lại theo trình tự sơ thẩm. Do hủy án nên chưa xét kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý vụ án tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” là chính xác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh P.

Theo Biên bản ghi lời khai ngày 30/3/2023 tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ (tỉnh Long An cũ - bút lục 21-22), bà Dương Minh S là nguyên đơn trình bày có nhiều mâu thuẫn về giao dịch mua bán lúa với bị đơn Phạm Minh N. Cụ thể, bà trình bày chiều tối ngày 28/3/2024, bà cân lúa của Hợp tác xã tổng cộng 65.786 kg lên ba ô tô tải để bán cho bà Huỳnh Thị Ngọc H; Sau đó bà nghe nói bà H bán cho anh N (T). Lời trình bày này phù hợp với lời khai của bà Huỳnh Thị Ngọc H tại Biên bản ghi lời khai ngày 30/3/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ (tỉnh Long An cũ - bút lục 25-28). Tuy vậy, khi kết thúc biên bản, bà S lại xác định khối lượng lúa bán cho anh T do bà và bà H hùn vốn mua của hợp tác xã bán cho anh N.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ chủ thể trong giao dịch mua bán lúa với anh Phạm Minh N gồm bà Dương Minh S, Huỳnh Thị Ngọc H hay chỉ cá nhân bà H tham gia nhưng đã xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S là vi phạm thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H thừa nhận, bà mua lúa của bà S và bán cho anh N nên bà xin rút yêu cầu khởi kiện của bà S nhưng không được đại diện của bị đơn đồng ý. Nhận thấy, bà S không tham gia giao dịch mua bán lúa với anh N. Như vậy, bà S không có quyền khởi kiện nên cần hủy quyết định của bản án sơ

thẩm liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà S và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thanh S1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của anh S1 rút yêu cầu kháng cáo. Xét việc rút yêu cầu kháng cáo là tự nguyện nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu kháng cáo của anh S1.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Minh N.

Để xem xét yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Minh N, cần xem xét giữa anh và bà Huỳnh Thị Ngọc H có thỏa thuận về giao dịch mua bán lúa ngày 29/3/2024 hay không.

Nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn Phạm Minh N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh P thống nhất: hai bên có giao dịch mua bán lúa trên địa bàn xã Đ; Để thực hiện giao dịch này, anh N đã đặt cọc cho anh P tổng số tiền qua chuyển khoản là 500.000.000 đồng. Ngoài ra, hai bên không thống nhất về số tiền đặt cọc không thông qua chuyển khoản: theo anh P, anh chỉ nhận khoảng 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng, trong khi anh N xác định giao tại nhà anh P 160.000.000 đồng và anh P nhận tiền tại nhà anh N là 175.000.000 đồng (bút lục 15-16, 34-39, 29-30).

Để thực hiện giao dịch này, anh P thừa nhận ngày 25/3/2024 và 26/3/2024 đã giao đủ lúa cho anh N nên giao dịch đã thực hiện xong. Tuy vậy, anh N không thừa nhận.

Ngoài ra, theo lời trình bày của anh P tại Biên bản ghi lời khai ngày 31/3/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ (tỉnh Long An cũ - bút lục 29-30), anh P thừa nhận, đầu tháng 3/2024, khi anh L đề nghị làm ăn chung với anh T (N) thì anh T nói mọi việc mua lúa trên địa bàn huyện Đ là thông qua anh P, sau đó anh P sẽ làm việc với anh T (N); Phần tiền anh N chuyển khoản vào tài khoản của anh, anh trả tiền cho người dân số tiền còn lại anh T (N) trực tiếp trả cho người dân. Lời trình bày này phù hợp với sự thừa nhận của anh N về việc anh chỉ giao dịch mua bán lúa thông qua anh P, không giao dịch trực tiếp với bà H và chuyển khoản tiền mua lúa cho bà H theo tài khoản do anh P cung cấp.

Nhận thấy, nội dung giao dịch chuyển khoản được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ trích lục từ tin nhắn trên điện thoại của anh N cũng như các bản trích lục sao kê tại Ngân hàng đều thể hiện nội dung chuyển khoản liên quan đến anh P như: “Trương ck phong xe chi Ha” – chuyển khoản ngày 26/3/2024 “Trương ck phong xe chi Ha”- chuyển khoản ngày 27/3/2024 (bút lục 5-14,149). Bà H cho rằng, nội dung chuyển khoản nêu trên có nghĩa là trả tiền lúa phóng là không có ý nghĩa, không được bị đơn thừa nhận. Đại diện bị đơn xác định, nội dung này có ý nghĩa chuyển khoản tiền lúa của anh P giao cho anh N và xe là

của chị H, là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của anh P tại Biên bản ghi lời khai ngày 31/3/2024 nói trên.

Bên cạnh đó, lời trình bày của nguyên đơn có nhiều mâu thuẫn về thỏa thuận mua bán lúa với anh N. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 30/3/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ (tỉnh Long An cũ - bút lục 27-28), bà H xác định, ngày 24/4/2024, T (N) lên Đức Huệ xem lúa tại ruộng, bà và T trao đổi giá lúa tại ruộng...; Tuy vậy, tại Biên bản ghi lời khai ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện C (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp – bút lục 65), bà H lại cho rằng, bà S dẫn anh N đi coi lúa tại các hộ dân. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H trình bày, ngày 28/3/2024, bà và anh N thỏa thuận mua bán lúa qua điện thoại. Chứng cứ chứng minh là vi bằng lập ngày 09/01/2025 (bút lục 103-138) nhưng theo nội dung của chứng cứ này hoàn toàn không thể hiện có cuộc gọi giữa bà H với anh N vào ngày 28/3/2024. Tại trang số 22 của vi bằng thể hiện, bà H có gửi tin nhắn hình ảnh cho anh N vào lúc 14 giờ 35 với nội dung:

“29/3

Lâu giao Trường

65.786 X 77. 506.552.000

Txe 190 12.499.000

519.700.000”.

Tuy vậy, vi bằng không thể hiện anh N có phản hồi về tin nhắn nêu trên.

Như phân tích trên, lời trình bày của bà H có nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, không được phía bị đơn thừa nhận nên không đảm bảo yếu tố khách quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cho rằng số lúa 27.560 kg thơm Đài Loan đang tranh chấp là một phần trong giao dịch ngày 29/3/2024 với tổng số lúa là 65.786 mà bà giao cho anh L để anh L giao cho anh T. Sự thừa nhận này phù hợp với lời trình bày của anh P tại Biên bản ghi lời khai ngày 31/3/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Long An cũ (bút lục 35-38): “...Sau đó, anh L có nói là có lúa đẹp bán, đề nghị làm ăn chung với T, T đồng ý với có nói là mọi việc thua mua lúa trên địa bàn huyện Đ là thông qua P, sau đó P sẽ làm việc lại với T. Anh L không đồng ý mà đề nghị trực tiếp mua bán với T, T đồng ý và có đi coi lúa cùng với L. Sau đó, chị H, anh L có liên lạc làm ăn như thế nào tôi không rõ”.

Lời trình bày trên của anh P phù hợp với lời trình bày của anh N về việc không trực tiếp thỏa thuận mua bán lúa trực tiếp với bà H.

Bên cạnh đó, theo lời khai của ông Nguyễn Văn B tại Biên bản ghi lời khai ngày 30/3/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Long An cũ - bút lục 42-43), khoảng 20h ngày 29/3/2024, có hai người đàn ông đi xe du lịch nói là chủ lúa của 3 xe anh S2 kêu nhập lò xin gặp giám đốc không cho xuống xe, nói là để báo Công An. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L thừa nhận anh là người

ngăn không giao tiếp lúa cho nhà máy và sau đó báo Công an đến lập biên bản giữ nguyên hiện trường và ngày hôm sau Công an mời các bên làm việc.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định, anh N không trực tiếp giao dịch mua bán lúa với bà H mà giao dịch trực tiếp với anh P, anh L như xác định của anh N và anh P. Anh L, anh P không phải là người môi giới mua bán lúa như ý kiến của bà H đề nhận tiền hoa hồng. Bởi lẽ, theo lời trình bày của ông B nêu trên, bản thân anh L xác định anh là chủ lúa nên yêu cầu gặp giám đốc ngăn không cho xuống lúa. Nếu chỉ với vai trò là người môi giới thì sau khi giới thiệu người mua lúa cho bà H xong, anh sẽ được nhận khoản tiền hoa hồng, hoàn toàn không có trách nhiệm trong việc giao nhận hàng hóa cũng như thanh toán tiền mua hàng hóa. Các tài liệu chứng cứ nêu trên cho thấy, anh L, anh P là một bên trong giao dịch mua bán lúa với bà H nên hai anh phải có nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Mặc dù việc giao 27.560 kg lúa thơm Đài Loan cho Công ty TNHH MTV C1 là có thật và anh Ngô Thanh S1 là người nhận lúa, cân lúa, nhận tiền mua lúa do nhà máy trả. Anh N không phải là người nhận lúa. Mặc dù anh S1 xác định anh và anh N có hùn vốn mua bán lúa và có chuyển tiền cho anh N nhưng anh cũng thừa nhận hai bên không quyết toán cụ thể từng lần giao dịch mua bán lúa nào.

Nhận thấy, tuy các lần mua lúa trước ngày 29/3/2024, anh N có chuyển khoản trả tiền cho bà H và các thông tin chuyển khoản đều có liên quan đến anh P nhưng các giao dịch này đã hoàn tất và các bên không tranh chấp. Do đó, không thể căn cứ vào thỏa thuận của các giao dịch mua bán trước để cho rằng, giao dịch mua bán lúa ngày 29/3/2024 các bên cũng thỏa thuận tương tự về quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch. Bởi lẽ, tại phiên tòa phúc thẩm, bà H xác định, các lần mua bán lúa trước, các bên thỏa thuận sau khi giao toàn bộ lúa sẽ trả tiền nhưng đối với giao dịch ngày 29/3/2024, các bên thỏa thuận, trả tiền theo từng xe lúa, giao xe lúa nào xong, bên mua trả tiền mới giao xe lúa tiếp. Như vậy, mỗi đợt mua bán lúa, các bên có thỏa thuận khác nhau nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các lần mua bán trước để buộc anh N trả tiền mua lúa ngày 29/3/2024 cho nguyên đơn là không có căn cứ.

Như vậy, để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch mua bán lúa ngày 29/3/2024 theo quy định tại các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự, cần xác định người giao dịch mua bán lúa với bà H là anh N hay anh L, anh P.

Từ phân tích trên, trong giao dịch mua bán lúa ngày 29/3/2024, có đủ cơ sở xác định anh L là người giao dịch trực tiếp với bà H mà không phải anh N. Bà H hoàn toàn không có chứng cứ chứng minh có thỏa thuận về việc chuyển giao quyền yêu cầu hay nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 365, 370 Bộ luật dân sự nên bà H yêu cầu anh N trả tiền mua 27.560 kg lúa thơm Đài Loan là 217.448.000 đồng là không có cơ sở. Kháng cáo của anh Phạm Minh N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Dương Minh S về việc yêu cầu anh N trả tiền mua lúa với số tiền 217.448.000 đồng.

Do nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh có thỏa thuận với bị đơn về giao dịch mua 27.560 kg lúa thơm Đài Loan ngày 29/3/2024 nên căn cứ vào việc thực hiện giao dịch trên thực tế đối với 27.560 kg lúa nói trên để khởi kiện buộc bên vi phạm thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên anh N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thanh S1 rút yêu cầu kháng cáo tại phiên toà phúc thẩm phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 148, 289, 296, khoản 2 Điều 308, các Điều 309, 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Minh N.

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Thanh S1.

Hủy một phần bản án sơ thẩm số 57/2025/DS-ST ngày 01/4/2025 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Toà án nhân dân khu vực 5 - tỉnh Đồng Tháp), đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Dương Minh S về việc buộc anh Phạm Minh N trả tiền mua 27.560 kg lúa thơm Đài Loan là 217.448.000 đồng.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2025/DS-ST ngày 01/4/2025 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Toà án nhân dân khu vực 5 - tỉnh Đồng Tháp).

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 12, 26, 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ngọc H về việc yêu cầu anh Phạm Minh N trả tiền 27.560 kg lúa thơm Đài Loan là 217.448.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi với mức lãi là 1,5%/tháng tính từ ngày 29/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Thanh S3 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, anh S3 đã đóng tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001552 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (nay là phòng thi hành án khu vực 5- Đồng Tháp) nên xem như anh S3 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho anh Phạm Minh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001553 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (nay là phòng thi hành án khu vực 5- Đồng Tháp).

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Ngọc H phải chịu 10.872.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.436.200 đồng theo biên lai thu số 0015780 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5- Đồng Tháp) nên bà phải nộp tiếp là 5.436.200 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
 - TAND khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp;
 - THADS tỉnh Đồng Tháp;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2025-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Phương